

Bản án số: 119/2017/HSST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Tuyên,
2. Bà Ngô Thị Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2017/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh năm 1991 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn B và bà Bùi Thị C; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 7 năm 2017 đến ngày 17 tháng 7 năm 2017 chuyển tạm giam; Có mặt.

Người bị hại: Anh Trần Văn H, sinh năm 1984 và chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990; cùng cư trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; anh H có mặt, chị N vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Văn D sống cạnh nhà vợ chồng anh trai là Trần Văn H, sinh năm 1984 và chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990 cùng địa chỉ thôn A, xã A, huyện T. Khoảng 14 giờ ngày 28 tháng 5 năm 2017, D phát hiện nhà anh H không khóa cửa, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ BKS 15G1-537.48 của chị N để ở trong nhà, chìa khóa xe để trên mặt bàn uống nước ngay gần đó. Bên cạnh chiếc xe mô

tô còn có 01 chiếc máy khoan đục bê tông. D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô và chiếc máy khoan đục bê tông bán lấy tiền ăn tiêu. D lấy chìa khóa, dắt xe mô tô rồi bê chiếc máy khoan đục bê tông đặt vào võng xe. D đem đến khu vực cửa hàng điện máy Xuân Bín tại xã N, huyện T bán chiếc máy khoan đục bê tông cho một người đàn ông không quen biết lấy 600.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, D đã thông báo cho chị N biết việc D đã lấy xe mô tô của chị N và bảo chị N đưa cho D 15.000.000 đồng thì D sẽ mang xe về nhưng chị N không đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 50 phút ngày 29 tháng 5 năm 2017, D đã đến cửa hàng cầm đồ Hoàng Cường do anh Hoàng Văn C, sinh năm 1984 tại thôn 8 xã T, huyện T cầm cố chiếc xe cho anh C lấy 7.000.000 đồng. Sau đó D thông báo cho chị N biết việc cầm xe và bảo chị N mang tiền đến chuộc xe. Số tiền có được từ việc bán xe và máy khoan đục bê tông D đã ăn tiêu hết. Ngày 29 tháng 6 năm 2017 vợ chồng chị N đã chuộc lại xe và đến Công an xã An Lư trình báo nội dung sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 15G1-537.48 trị giá 30.000.000 đồng, 01 chiếc máy khoan đục bê tông trị giá 1.000.000 đồng; Tổng thiệt hại là 31.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, D bỏ trốn, ngày 14 tháng 7 năm 2017 thì bị bắt theo Lệnh truy nã và thu giữ của D 2.050.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Nokia.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn D đã khai nhận hành vi như trên; đối với số tiền bị thu giữ là do D lao động mà có, chiếc điện thoại D sử dụng không liên quan đến việc phạm tội và đề nghị được bồi thường cho chị N số tiền 2.050.000 đồng và 01 chiếc điện thoại để khắc phục hậu quả thiệt hại.

Chị N và anh H khai: Anh chị không cho D mượn xe, khi về nhà phát hiện bị mất nên đã trình báo công an. Khi biết D lấy trộm, anh chị không đưa tiền cho D mà tự đi chuộc xe về. Anh chị đồng ý nhận của D số tiền 2.050.000 đồng và 01 chiếc điện thoại để bán đi lấy tiền khắc phục thiệt hại.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 15G1-537.48 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thị N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N sử dụng.

Về dân sự: Anh H và chị N không yêu cầu D phải bồi thường tiếp thiệt hại và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho D.

Bản Cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Trần Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo D khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố, thừa nhận lời trình bày của anh H và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Anh H trình bày đã nhận của bị cáo số tiền 2.050.000 đồng và 01 chiếc điện thoại trị giá 250.000 đồng để khắc phục hậu quả, anh và chị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn D về tội Trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33, điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, không phạt tiền bị cáo; truy thu số tiền thu lợi bất chính là 5.300.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo Trần Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Hành vi bị cáo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô và 01 chiếc máy khoan đục bê tông của gia đình anh Trần Văn H và chị Đỗ Thị N gây thiệt hại về tài sản trị giá 31.000.000 đồng là phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS. Cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để cải tạo bị cáo, đấu tranh và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo đã bồi thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Từ phân tích trên, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cần xử phạt các bị cáo mức án bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về dân sự: Thiệt hại của anh H và chị N đã được bồi thường một phần, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số tiền thu lợi bất chính: Bị cáo bán tài sản được 7.600.000 đồng, đã bồi thường được 2.300.000 đồng (2.050.000 cộng với trị giá chiếc điện thoại là 250.000 đồng); vậy số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 5.300.000 đồng cần truy thu số tiền để nộp sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 14 tháng 7 năm 2017.

Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của bị cáo Trần Văn D số tiền 5.300.000 (Năm triệu, ba trăm nghìn đồng) để nộp sung quỹ Nhà nước.

Về lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền bị truy thu: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

